

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁI THỤY
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 141/2024/HS-ST
Ngày: 12-09-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁI THỤY, TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Tiến và bà Vũ Thị Thuý - Giáo viên trường Tiểu học Thụy Hà.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Long - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 119/2024/TLST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 120/2024/QĐXXST-HS ngày 23 tháng 8 năm 2024, đối với:

Bị cáo PHẠM HỮU NAM sinh ngày 04/9/2006, tại huyện T, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: lao động tự do; giới tính: nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; trình độ học vấn: lớp 09/12; căn cước công dân số 034206015606; con ông Phạm Hữu H sinh năm 1976 và bà Vũ Thị C sinh năm 1973, đều trú tại thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; bị cáo chưa có vợ, con.

- Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; bị cấm đi khỏi nơi cư trú. *(Có mặt)*

Người bào chữa cho bị cáo: Bà Đinh Thị Thu T – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh T. *(Có mặt)*

**Bị hại:* Chị Giàng Thị P sinh năm 2000; địa chỉ: thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Có mặt)*

**Người làm chứng:* Anh Phạm Văn Đ sinh năm 2006; địa chỉ: thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng hơn 07 giờ ngày 16/6/2024, Phạm Hữu N, sinh ngày 04/9/2006 trú tại thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình đi bộ đến nhà ông Phạm Hữu H1, sinh năm

1953 và bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1960 là bác ruột ở cùng thôn chơi. N ngồi nói chuyện cùng vợ chồng ông H1 và chị Giàng Thị P1 là con dâu ông H1 ở phòng khách. Một lúc sau, ông H1 đi ra ngoài, bà H2 và chị P1 xuống dưới bếp thu dọn; N nhìn thấy chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu Titan trắng của chị P1 để ở cửa sổ trong phòng ngủ, cạnh phòng khách nên nảy sinh ý định trộm cắp mang bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. N đi vào lấy chiếc điện thoại của chị P1 cho vào túi quần đang mặc rồi đi về nhà. Sau đó, N nhờ anh Phạm Văn Đ, sinh năm 2006 ở cùng thôn đi xe mô tô chở đến ngã ba, thuộc địa phận xã T, huyện T đến đón xe ô tô khách đi Hà Nội thăm bố ốm. Trên đường đi, Nam sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A11 của N truy cập vào Facebook, sau đó vào trang page "Mua bán điện thoại dính I ở Hà Nội" đăng tin rao bán chiếc điện thoại Iphone 15 Pro, màu Titan trắng, kèm theo số điện thoại cá nhân để liên lạc. Thấy nội dung đăng rao bán điện thoại của N, anh Lê Mạnh T1, sinh năm 1996, trú tại thôn Đ, xã P, huyện S, Thành phố Hà Nội đã liên lạc hỏi mua. N và anh T1 hẹn gặp nhau ở quán I1, địa chỉ: số A K, quận T, Hà Nội. Sau khi xem điện thoại, anh T1 hỏi điện thoại của ai thì N nói dối là điện thoại của mình nhưng đã quên mật khẩu nên bán. Anh T1 đồng ý mua với giá 8.800.000 đồng và đã thanh toán tiền cho N. Cùng ngày, chị P1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T trình báo về việc bị mất điện thoại. Qua xác minh, Cơ quan điều tra đã triệu tập Phạm Hữu N đến trụ sở làm việc, N đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình và đã “chuộc” lại chiếc điện thoại đã bán cho anh T1 và giao nộp cho Cơ quan điều tra. Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc điện thoại cho chị P1.

Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 17/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản tố tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện T kết luận: *“01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 pro 128GB, màu Titan trắng (đã qua sử dụng) giá trị 20.333.000 đồng.”*

Cáo trạng số 123/CT-VKSTT ngày 23/8/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố bị cáo Phạm Hữu N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa;

- Bị cáo Phạm Hữu N không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng; bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo; đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu N phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

+ Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65; Điều 98; Điều 101 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Hữu N từ 09 tháng đến 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

+ Về trách nhiệm dân sự: Chị Giàng Thị P đã nhận lại 01 chiếc điện thoại và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường thêm gì khác nên không đặt ra giải quyết.

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; trả lại bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A11, vỏ màu xanh đã qua sử dụng và số tiền 8.800.000 đồng của bị cáo Phạm Hữu N.

+ Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị hại là chị P trình bày: Bị cáo N là em họ của chồng chị đã “trót đại” trộm cắp của chị chiếc điện thoại, nay chị đã nhận lại được tài sản, chị không yêu cầu bị cáo phải bồi thường; bị cáo cũng đã nhận ra lỗi lầm, đã xin lỗi chị; đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương.

Bị cáo không tranh luận, không bào chữa.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày: Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy truy tố bị cáo về tội Trộm cắp tài sản theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ nhưng đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được cải tạo tại địa phương để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa lỗi lầm, giúp đỡ gia đình vì thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo chưa đủ 18 tuổi, nhận thức còn hạn chế, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đã tự khắc phục hậu quả, hoàn cảnh gia đình rất khó khăn, bố đẻ bị cáo đang bị mắc bệnh ung thư, điều trị kéo dài nhiều đợt tại bệnh viện, gia đình không có điều kiện để dạy dỗ bị cáo; đồng thời đề nghị trả lại cho bị cáo 1 chiếc điện thoại và số tiền 8.800.000 đồng.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo thấy ân hận về việc làm của mình, đã làm ảnh hưởng đến gia đình; bị cáo xin lỗi chị P và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo hưởng án treo để bị cáo còn hỗ trợ, chăm sóc bố bị cáo đang điều trị bệnh ung thư.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo Phạm Hữu N: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa không có sự thay đổi so với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố; bị cáo đã thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát đối với bị cáo là đúng; lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, gồm: Đơn trình báo, Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai của bị hại; Biên bản xác định hiện trường, sơ đồ hiện trường, bản ảnh hiện trường do Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T lập ngày 16/6/2024 tại nhà ông Phạm Hữu H1, sinh năm 1953 ở thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Bản kết luận định giá tài sản số 23/KL-HĐĐGTS ngày 17/6/2024 của Hội đồng định giá tài

sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện T; Biên bản ghi lời khai của người liên quan: anh Lê Mạnh T1, sinh năm 1996, trú tại thôn Đ, xã P, huyện S, Thành phố Hà Nội; Biên bản ghi lời khai của người làm chứng: anh Phạm Văn Đ, sinh năm 2006, trú tại thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình; Dữ liệu điện tử: Hồi 08 giờ 30 phút ngày 18/6/2024. Hình ảnh, diễn biến liên quan đến vụ việc được trích xuất, mô tả trong phụ lục kèm theo Kết luận giám định...

[3] Từ những chứng cứ nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ căn để kết luận:

Khoảng hơn 07 giờ ngày 16/6/2024, tại nhà ở của gia đình ông Phạm Hữu H1, sinh năm 1953 ở thôn S, xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình, lợi dụng sơ hở của chị Giàng Thị P và các thành viên trong gia đình, bị cáo Phạm Hữu N đã trộm cắp của chị P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 15 Pro, màu Titan trắng, đã qua sử dụng, trị giá 20.333.000 đồng.

[4] Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

[5] Bị cáo Phạm Hữu N nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác, làm ảnh hưởng đến trật tự an toàn xã hội nhưng vì lòng tham bị cáo vẫn cố tình thực hiện.

[6] Thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Phạm Hữu N đã trên 16 tuổi nhưng chưa đủ 18 tuổi (17 tuổi 9 tháng 12 ngày) nên bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy đã truy tố.

[7] Bị cáo Phạm Hữu N là người có nhân thân tốt, đây là lần đầu bị cáo vi phạm pháp luật và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả; tài sản mà bị cáo trộm cắp đã được cơ quan điều tra quản lý và trả lại cho bị hại; quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội, tỏ ra ăn năn hối cải; gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, bố bị cáo bị bệnh ung thư đang trong thời gian điều trị; tại phiên tòa, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[9] Căn cứ vào quy định của Bộ luật Hình sự, cân nhắc tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân người phạm tội và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy, không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cần áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự, cho bị cáo hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền

địa phương nơi bị cáo cư trú giám sát, giáo dục cùng với sự phối hợp của gia đình bị cáo để tạo điều kiện cho bị cáo sửa chữa những sai lầm đã phạm phải; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình là phù hợp, vừa thể hiện được tính nghiêm minh nhưng cũng thể hiện được sự khoan hồng của pháp luật.

[10] Về trách nhiệm dân sự: Chị Giàng Thị P và anh Lê Mạnh T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo Phạm Hữu N phải bồi thường thêm gì khác nên không đặt ra giải quyết.

[11] Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A11, vỏ màu xanh đã qua sử dụng và số tiền 8.800.000 đồng theo quy định điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[12] Về án phí: Bị cáo Phạm Hữu N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Hữu N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 50; Điều 65; Điều 98; Điều 101 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Phạm Hữu N 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm kể từ ngày tuyên án 12/9/2024.

Giao bị cáo Phạm Hữu N cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thái Bình giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo Phạm Hữu N trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát và giáo dục đối với bị cáo.

Trường hợp người được hưởng án treo vắng mặt tại nơi cư trú, thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu SAMSUNG Galaxy A11, vỏ màu xanh đã qua sử dụng và số tiền 8.800.000 đồng.

(Vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/8/2024)

4. Về án phí: Áp dụng Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bị cáo

Phạm Hữu N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phạm Hữu N và chị Giàng Thị P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 12/9/2024./.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh Thái Bình;
- TAND tỉnh Thái Bình;
- VKSND tỉnh Thái Bình;
- Công an tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Thái Thụy;
- Chi cục THADS huyện Thái Thụy;
- Cơ quan THAHS CA huyện Thái Thụy;
- UBND xã Thái Thượng;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Lan Anh